

Số: *1733*/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *20* tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam
giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê
ngày 12 tháng 11 năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam
giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược
phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Công văn số 1079/TCTK-VTKE ngày 27 tháng 7 năm 2022 của
Tổng cục Thống kê về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát
triển Thống kê giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và xây dựng Kế
hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn
đến năm 2045 của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Theo đề nghị của Cục Thống kê tỉnh Điện Biên tại văn bản số 513/CTK-
PPCĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Cục Thống kê tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các nội dung được phân công trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Điện Biên; định kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Cục Thống kê tỉnh) để tổng hợp chung, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng Cục Thống kê;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên)



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111					
1.1.1.1	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01111	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2	Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức	012					
1.2.1	Kiện toàn nhân lực thống kê của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, thị trấn	0121	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021	2030	- KIỆN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC; - Đề xuất bổ sung nhân lực; - Số lượng công chức làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, thị trấn.
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131					
1.3.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao	01311	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao	01312	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước
1.3.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.1	Xây dựng chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	01321	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được ban hành
1.3.2.2	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01322	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.3	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin,...với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01323	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					
1.4.1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại sở, ban, ngành và địa phương	0141					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.1.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn	01411	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn		Hàng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê
1.4.1.2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn hàng năm, 5 năm	01412	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.1.3	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn	01413	Sở Nội vụ; Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng do UBND tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do UBND tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục Thống kê tổ chức.
1.4.1.4	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương	01414	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê; - Số lượng học viên được bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.1	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	021					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.1.1	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0211					
2.1.1.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02111	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.1.1.2	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	02112	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2026	2030	- Số cơ quan thống kê sở, ban, ngành triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành; - Số tiêu chuẩn thống kê ban hành được triển khai áp dụng.
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	022					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0221	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024	2025	- Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê; - Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê.
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê (Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến; phần mềm thu thập thông tin trên thiết bị di động; phần mềm khai thác dữ liệu hành chính từ Tổng cục Thuế; phần mềm khai thác dữ liệu từ chế độ báo cáo thống kê điện tử cấp quốc gia; phần mềm sử dụng bản đồ số GIS và ảnh viễn thám cho thống kê cây trồng,...); - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thông kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021	2030	- Hệ thống xử lý thông tin thống kê; - Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê sở, ban, ngành	03121	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.2	Thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan	03122	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông; sở, ngành địa phương có liên quan	2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông; sở, ngành địa phương có liên quan	2025	2030	- Báo cáo kết quả nghiên cứu; - Số các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					
3.1.4.1	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03141	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023	2030	- Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; - Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	041					
4.1.1	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0411					
4.1.1.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	04111	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Sổ báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại
4.1.1.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04112	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại
4.1.1.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	04113	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	042					
4.2.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0421					
4.2.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được ban hành	04211	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
4.2.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về kinh tế - xã hội cập nhật số liệu một số chỉ tiêu thống kê chủ yếu vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; các chỉ tiêu kinh tế số, logistic	04212	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	Số lượng báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm, các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic
4.2.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0422					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.2.1	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh	04221	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng biểu mẫu số liệu kinh tế - xã hội được chuẩn hóa theo phương pháp mới; - Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; - Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử,...
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0431	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.1	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu, đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04311	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021	2030	Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của Cục Thống kê, của UBND tỉnh
4.3.1.2	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh	04312	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh
4.3.1.3	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm	04313	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website,...
5	Huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	05					
5.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện Chiến lược	051					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược	0511	Cục Thống kê; các đơn vị có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược
5.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện Chiến lược	0512	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê; các đơn vị có liên quan		Hàng năm	UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị thực hiện Chiến lược tập trung thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh
5.1.3	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0513	Cục Thống kê	Các đơn vị có liên quan		Hàng năm	Kinh phí thực hiện Chiến lược từ các nguồn khác của Hệ thống thống kê tập trung
5.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Chiến lược thuộc nhiệm vụ cấp huyện	052					
5.2.1	Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược	0521	Chi cục Thống kê; các đơn vị có	Phòng Tài chính – kế hoạch		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
			liên quan				
5.2.2	Phân bổ kinh phí thực hiện Chiến lược	0522	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Chi cục Thống kê; các đơn vị có liên quan		Hàng năm	UBND huyện hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị thực hiện Chiến lược tập trung thuộc phạm vi quản lý cấp huyện
5.2.3	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0523	Cục Thống kê; Chi cục Thống kê	Các đơn vị có liên quan		Hàng năm	Kinh phí thực hiện Chiến lược từ các nguồn khác của Hệ thống thống kê tập trung
5.3	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	052					
5.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0521	Cục Thống kê	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0522	Sở Tài chính	Cục Thống kê	2022	2030	Kinh phí hàng năm được phân bổ
5.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	054					
5.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0541	Cục Thống kê	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2024	2030	Dự toán kinh phí Đề án hàng năm của công tác thống kê trên địa bàn tỉnh được phê duyệt
5.4.2	Bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn	0542	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	2024	2030	- Phương tiện và trang thiết bị làm việc cơ quan thống kê tập trung, thống kê sở, ban, ngành; - Kế hoạch phân bổ (bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như đào tạo, bồi dưỡng).

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC						
6	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	06					
6.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược	061					
6.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược tỉnh Điện Biên	0612	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược
6.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện Chiến lược	062					
6.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện Chiến lược của tỉnh Điện Biên	0621					
6.2.1.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược của tỉnh Điện Biên	06211	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan		Tháng 8/2022	Kế hoạch thực hiện Chiến lược được ban hành
6.2.1.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện Chiến lược của tỉnh Điện Biên	06212	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan		2026	Kế hoạch thực hiện Chiến lược được cập nhật

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	063					
6.3.1	Hội nghị cấp tỉnh do UBND tỉnh chủ trì	0631	Cục Thống kê	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2022	01 hội nghị do UBND tỉnh chủ trì
7	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	7					
7.1	Theo dõi thực hiện Chiến lược	071					
7.1.1	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện Chiến lược	0711	Cục Thống kê	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Kết quả thực hiện Chiến lược hàng năm được báo cáo trên phần mềm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.2	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược	072					
7.2.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện Chiến lược	0721	Cục Thống kê			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện Chiến lược hàng năm
7.2.2	Sơ kết thực hiện Chiến lược	0722	Cục Thống kê	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết Chiến lược của tỉnh
7.2.3	Tổng kết thực hiện Chiến lược	0723	Cục Thống kê	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết Chiến lược của tỉnh